

Số: /TB-SYT

Bình Định, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÙ CÁT.**

Mã chương: 423 - Loại: 130 - Khoản: 131; 132; 139; 151; Loại: 280 - Khoản: 338; Loại: 340 - Khoản: 341.

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 11/6/2024 giữa Sở Y tế Bình Định và Trung tâm Y tế huyện Phù Cát;

Sở Y tế Bình Định thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 624.120.000 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 54.733.169.888 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 24.202.195.846 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 30.530.974.042 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 54.643.149.036 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 54.643.149.036 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 11.825.366 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 702.315.486 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 702.315.486 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

2. Thuyết minh số liệu quyết toán:

2.1. Số dư kinh phí đương nhiên được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 702.315.486 đồng, trong đó:

- Kinh phí được giao tự chủ: 102.000.000 đồng;
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 320.390.646 đồng (mã nguồn 214).

- Kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 còn thừa: 27.624.340 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 446.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 418.375.660 đồng*).

- Kinh phí không tự chủ để thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế năm 2023 thuộc Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã thực hiện ký kết hợp đồng trước ngày 31/12/2023 với tổng số tiền là: 252.000.000 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 1.930.062.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 1.678.000.000 đồng, dự toán hủy: 62.000 đồng*).

- Kinh phí để chi trả chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản trong 6 tháng cuối năm 2023 do điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ) được bổ sung sau ngày 30/9/2023 tại Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định còn chưa sử dụng 300.500 đồng (*Dự toán giao: 86.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 85.699.500 đồng*).

2.2. Kinh phí hủy dự toán: 11.825.366 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND được giao không tự chủ cho Bệnh viện còn thừa: 3.577.373 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 368.893.200 đồng, Dự toán đã sử dụng: 365.315.827 đồng*).

- Kinh phí không tự chủ được giao dự toán đầu năm cho Y tế thôn còn thừa: 7.955.500 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 832.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 824.044.500 đồng*).

- Kinh phí mua TTBYT được giao không tự chủ còn thừa: 62.000 đồng (*dự toán giao sử dụng: 1.930.062.000 đồng, dự toán đã sử dụng: 1.678.000.000 đồng, dự chuyển năm sau: 252.000.000 đồng*).

- Kinh phí thực hiện hoạt động chuyên môn nghiệp vụ y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm được giao không tự chủ còn thừa: 230.493 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 232.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 231.769.507 đồng*).

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm là 843.743.827 đồng, trong đó:

- + Hoạt động hành chính, sự nghiệp: -4.631.404.013 đồng;
- + Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: 5.358.993.607 đồng;
- + Hoạt động tài chính: 15.245.897 đồng;

- + Hoạt động khác: 100.908.336 đồng;
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.
- Trích lập các Quỹ: 4.015.904.390 đồng (bao gồm tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các quỹ từ nguồn NSNN số tiền 1.783.646.237 đồng và trích lập từ thặng dư hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ số tiền 2.232.258.153 đồng) trong đó:
 - + Quỹ khen thưởng: 401.590.441 đồng (tỷ lệ trích lập: 10%)
 - + Quỹ phúc lợi: 803.180.876 đồng (tỷ lệ trích lập: 20%)
 - + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 803.180.877 đồng (tỷ lệ trích lập: 20%)
 - + Quỹ bổ sung thu nhập: 2.007.952.196 đồng (tỷ lệ trích lập: 50%)
- Kinh phí cải cách tiền lương: 2.787.124.548 đồng (tỷ lệ trích lập: 35% nguồn dịch vụ KBCB, dịch vụ tiêm phòng và xe chuyển viện; 40% nguồn dịch vụ khác).

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1. Đơn vị đã thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Đoàn xét duyệt quyết toán Sở Y tế tại Thông báo số 383/TB-SYT ngày 31/12/2023 của Sở Y tế về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022.

1.2. Số dư cuối kỳ của các tài khoản:

Đơn vị tính: đồng

SỐ DƯ BÊN NỢ		SỐ DƯ BÊN CÓ	
TK	Số chuyển năm sau	TK	Số chuyển năm sau
111	19.194.767	214	67.344.316.880
112	19.922.737.129	331	15.345.334.689
131	46.414.661	337	28.899.600
138	1.783.646.237	338	1.697.532.813
152	11.530.799.511	366	231.065.253.685
211	141.933.685.821	421	2.018.565.698
213	156.644.569.500	431	10.791.108.295
333	299.999	468	3.590.335.965
Cộng	331.881.347.625	Cộng	331.881.347.625

1.3. Nguồn cải cách tiền lương còn chuyển sang năm 2024 là: 3.608.908.550 đồng (có bảng chi tiết kèm theo).

Đơn vị trích kinh phí CCTL vào TK468 chưa đủ. Kinh phí còn thiếu là 572.331 đồng.

1.4. Kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ còn lại chuyển năm 2024 là 302.390.392 đồng.

1.5. Đơn vị đã ghi tăng nguồn thu (TK 531) số kinh phí BHYT quyết toán đến hết quý 3/2023.

1.6. Trong năm 2023, đơn vị được BHXH tỉnh quyết toán phần kinh phí khám bệnh, chữa bệnh vượt dự toán các năm trước với tổng số tiền: 4.756.385.818 đồng (năm 2021 số tiền 3.569.512.837 đồng và 3 quý đầu năm 2022 số tiền 1.186.872.981 đồng).

1.7. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2023:

- Hệ điều trị:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4-3</i>
I	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo K4 Đ35 NĐ 60/2021/NĐ-CP	102.000.000	102.000.000	0
1	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023	104.000.000	104.000.000	-
2	Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo K4 Đ35 NĐ 60/2021/NĐ-CP	2.000.000	2.000.000	-
II	Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023			
1	Thu	43.932.305.859	43.932.305.859	0
-	Thu bệnh nhân có thẻ BHYT	40.412.654.091	40.412.654.091	-
-	Thu bệnh nhân không có thẻ BHYT	3.275.539.070	3.275.539.070	-
-	Thu hoạt động dịch vụ khác (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	244.112.698	244.112.698	0
+	<i>Thu dịch vụ khác</i>	<i>504.593.114</i>	<i>504.593.114</i>	<i>0</i>
+	<i>Chi dịch vụ khác</i>	<i>197.706.437</i>	<i>197.706.437</i>	<i>0</i>
+	<i>Nộp NSNN dịch vụ khác</i>	<i>62.773.979</i>	<i>62.773.979</i>	<i>0</i>

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
2	Chi	44.209.518.705	44.177.256.492	-32.262.213
-	Chi lương	17.368.234.999	17.368.234.999	-
-	Chi các hoạt động khác	26.841.283.706	26.809.021.493	-32.262.213
3	Chênh lệch thu - chi năm 2023	-277.212.846	-244.950.633	32.262.213
III	Chênh lệch thiếu so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023	175.212.846	142.950.633	-32.262.213

- Trạm Y tế:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Trạm Y tế
I	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi trừ tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL	15.736.200.000
1	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023	15.935.000.000
2	Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL theo quy định	198.800.000
II	Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023	
1	Thu (sau khi trừ chi phí trực tiếp)	1.316.433.006
-	Nguồn thu KCB Trạm Y tế	6.503.737.495
-	Chi phí trực tiếp	5.187.304.489
2	Chi	15.074.980.661
-	Chi lương 1,49trđ	14.166.383.018
+	Từ nguồn thu	357.000.000
+	Từ NSNN hỗ trợ	13.809.383.018
-	Chi phí ngoài giá (từ nguồn thu KCB)	200.128.528
-	Chi hoạt động thường xuyên (từ NSNN hỗ trợ)	708.469.115
3	Tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các quỹ từ nguồn NSNN hỗ trợ	1.218.347.867
4	Trích lập nguồn kinh phí CCTL theo quy định (tỷ lệ 35%)	335.801.552
5	Chênh lệch thu - chi năm 2023 (=1-2-3-4)	-15.312.697.074
III	Chênh lệch thừa so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023	423.502.926

- Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
I	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi trừ tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL	3.318.000.000
1	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023	3.378.000.000
2	Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL theo quy định	60.000.000
II	Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023	
1	Thu (sau khi nộp NSNN)	774.478.249
-	Nguồn thu y tế dự phòng	785.278.621
-	Nộp NSNN	10.800.372
2	Chi	3.577.522.331
-	Chi lương 1,49trđ (từ NSNN hỗ trợ)	2.553.476.295
-	Chi phí chuyên môn trong giá (từ nguồn thu y tế dự phòng)	731.276.759
-	Chi hoạt động thường xuyên (từ NSNN hỗ trợ)	292.769.277
3	Tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các quỹ từ nguồn NSNN hỗ trợ	471.754.428
4	Trích lập nguồn kinh phí CCTL theo quy định (tỷ lệ 35%)	15.120.522
5	Chênh lệch thu - chi năm 2023 (=1-2-3-4)	-3.289.919.032
III	Chênh lệch thừa so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023	28.080.968

2. Một số khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Công nợ (TK331):

- Đối chiếu công nợ chưa đầy đủ: có 19 công ty chưa có xác nhận công nợ.

- Chưa xử lý, thanh toán dứt điểm một số khoản công nợ từ các năm trước chuyển sang: Chi nhánh Bidiphar Phù Cát số tiền 18.000 đồng, Trần Văn Thắng số tiền 6.602.852 đồng.

2.2. Tài khoản Phải trả khác (TK 338): một số đối tượng có số dư kéo dài qua nhiều năm. Việc đơn vị chưa thanh toán dứt điểm nhiều khoản thu hộ, chi hộ từ các năm trước chuyển sang là chưa phù hợp với quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; trong đó các đối tượng cần lưu ý:

- + Chi cục DS-KHHGD tỉnh Bình Định: số dư 82.660.500 đồng;
- + Trung tâm DS-KHHGD huyện Phù Cát: số dư 34.335.252 đồng;

2.3. Tổng kinh phí BHYT không chấp nhận thanh toán trong năm 2023 đối với đơn vị là 203.243.954 đồng (theo số liệu cung cấp của Cơ quan BHXH tại Công văn số 462/BHXH-GĐBHYT ngày 26/3/2024); trong đó, các chi phí liên quan không được chấp nhận thanh toán với số tiền là 32.262.213 đồng được đơn vị thực hiện quyết toán trong năm là chưa phù hợp.

2.4. Đơn vị sử dụng Quỹ Phúc lợi để chi phụ cấp ưu đãi theo nghề tăng thêm 10% đối với viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế với số tiền 48.465.975 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ (viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế tại đơn vị được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề không vượt quá mức 20%, đơn vị chi thêm 10% từ tháng 01 đến tháng 6/2023).

2.5. Chưa trích đủ hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 354.271.017 đồng.

3. Kiến nghị: Yêu cầu Giám đốc đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

3.1. Tổ chức chấn chỉnh, sửa chữa các sai sót, tồn tại đã được nêu tại Khoản 2 Mục III nêu trên.

3.2. Trích bổ sung kinh phí CCTL vào TK468 số tiền 572.331 đồng.

3.3. Phối hợp với phòng KH-TC Sở Y tế, Sở Tài chính rà soát, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị để có phương án xử lý phần kinh phí chênh lệch so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023.

3.4. Chịu trách nhiệm hoàn trả nguồn kinh phí đã thực hiện chi phụ cấp ưu đãi theo nghề (phần tăng thêm 10%) đối với viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế trong năm 2023 số tiền 48.465.975 đồng; đồng thời, chấm dứt tình trạng chi phụ cấp ưu đãi theo nghề vượt mức quy định đối với viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế.

3.5. Trích bổ sung hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 354.271.017 đồng.

Kết quả xét duyệt trên đây căn cứ số liệu trên sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, tài liệu kế toán của đơn vị xuất trình tại thời điểm xét duyệt quyết toán. Đơn vị chịu trách nhiệm về việc chấp hành đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ cung cấp cho Sở Y tế để thẩm định quyết toán; đồng thời tự chịu trách nhiệm về việc lưu giữ chứng từ gốc tại đơn vị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- TTYT Phù Cát;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng